

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	609.140.000	609.140.000
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	609.140.000	609.140.000
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	609.140.000	609.140.000
Số cuối kỳ	609.140.000	609.140.000

(*) Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 157 Tôn Đức Thắng, Thành phố Đà Nẵng, được sử dụng làm văn phòng Công ty.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	14.895.833	29.791.667
Cộng	14.895.833	29.791.667

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Công ty CP In và Vật tư Sài Gòn	79.145.400	73.013.000
Công ty TNHH TMDV Kỹ thuật Thành Thái	244.200.000	162.800.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu ngành in SIC	-	49.415.000
Công ty TNHH Cơ khí Hoàng Hà	86.074.924	86.074.924
Các đối tượng khác	76.428.448	26.403.760
Cộng	485.848.772	397.706.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Võ Thị Hải	22.511.725	21.427.834
Các đối tượng khác	6.035.231	-
Cộng	28.546.956	21.427.834

17. Thuế và các khoản nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	Phải thu	Phải nộp			
Thuế GTGT	-	111.942.174	425.157.301	304.048.116	233.051.359
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.505.661	-	196.098.333	41.425.605	148.167.067
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.506.766	41.701.360	10.224.500	42.983.626
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	6.505.661	123.448.940	665.956.994	358.698.221	424.202.052

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2018	01/01/2018
Kinh phí công đoàn	58.931.249	59.328.405
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	66.490.423	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	14.545.750	13.348.750
Phải trả khác	28.645.451	25.757.513
Cộng	168.612.873	98.434.668

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2017	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	1.033.918.842
Tăng trong năm	-	-	-	-	1.045.596.721
Giảm trong năm	-	-	-	-	987.348.000
Số dư tại 31/12/2017	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	1.092.167.563
Số dư tại 01/01/2018	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	1.092.167.563
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	819.461.332
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	987.348.000
Số dư tại 30/06/2018	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	924.280.895

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2018	01/01/2018
Vốn góp của Cty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục VN	3.816.000.000	3.816.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	12.639.800.000	12.639.800.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	1.594.000.000	1.594.000.000
Cộng	18.049.800.000	18.049.800.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu phổ thông	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	159.400	159.400
- Cổ phiếu phổ thông	159.400	159.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu phổ thông	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.092.167.563	1.033.918.842
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	819.461.332	1.045.596.721
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	987.348.000	987.348.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	987.348.000	987.348.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	924.280.895	1.092.167.563

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 61/NQ/ĐHCD-HTP ngày 27/04/2018 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 6%/vốn điều lệ (trương đương 987.348.000 đồng). Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức này vào ngày 26/04/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Doanh thu in ấn, cắt rọc	4.951.156.217	6.144.428.467
Doanh thu hoạt động khác	1.696.342.375	1.460.214.888
Cộng	6.647.498.592	7.604.643.355

21. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Giá vốn in ấn, cắt rọc	3.713.294.026	4.524.305.008
Giá vốn hoạt động khác	1.452.412.784	1.228.473.670
Cộng	5.165.706.810	5.752.778.678

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	435.292.474	411.461.961
Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.668.000	37.807.200
Chiết khấu thanh toán nhận được	11.332.101	10.976.908
Cộng	482.292.575	460.246.069

23. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Dự phòng tổn thất đầu tư	17.220.617	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(20.838.475)
Cộng	17.220.617	(20.838.475)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí vận chuyển sách	11.731.735	16.200.140
Các khoản khác	449.091	-
Cộng	12.180.826	16.200.140

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí nhân viên quản lý	618.686.100	731.070.412
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	51.838.866	102.862.471
Chi phí trợ cấp mất việc làm	-	60.799.250
Các khoản khác	247.998.281	204.904.966
Cộng	918.523.247	1.099.637.099

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.015.559.665	1.201.783.982
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(35.068.000)	(22.479.200)
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	600.000	15.328.000
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	35.668.000	37.807.200
Tổng thu nhập chịu thuế	980.491.665	1.179.304.782
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	196.098.333	235.860.957

27. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	819.461.332	965.923.025
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	819.461.332	965.923.025
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.645.580	1.645.580
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	498	587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	549.685.531	1.076.649.754
Chi phí nhân công	3.090.365.794	3.720.863.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	301.592.820	365.460.792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	379.590.354	466.774.754
Chi phí khác bằng tiền	265.675.048	205.977.829
Cộng	4.586.909.547	5.835.726.268

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là in ấn sách giáo khoa và một bộ phận địa lý chính là Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

30. Quản lý rủi ro

a) Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch, số dư ngoại tệ và vay nợ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty là các đơn vị thành viên Nhà xuất bản và các khách hàng có mối quan hệ kinh doanh lâu dài. Bên cạnh đó, khả năng thu hồi nợ của Công ty là tương đối tốt, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	485.848.772	-	485.848.772
Phải trả khác	43.191.201	-	43.191.201
Cộng	529.039.973	-	529.039.973
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	397.706.684	-	397.706.684
Phải trả khác	39.106.263	-	39.106.263
Cộng	436.812.947	-	436.812.947

Công ty không có rủi ro trong thanh khoản, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.294.201.211	-	2.294.201.211
Đầu tư tài chính	1.000.000.000	554.498.418	1.554.498.418
Phải thu khách hàng	1.111.821.209	-	1.111.821.209
Phải thu về cho vay	12.000.000.000	-	12.000.000.000
Phải thu khác	203.737.401	-	203.737.401
Cộng	16.609.759.821	554.498.418	17.164.258.239
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.152.281.962	-	13.152.281.962
Đầu tư tài chính	1.000.000.000	571.719.035	1.571.719.035
Phải thu khách hàng	1.609.693.055	-	1.609.693.055
Phải thu khác	71.066.517	-	71.066.517
Cộng	15.833.041.534	571.719.035	16.404.760.569

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Quan hệ Quốc tế - Đầu tư sản xuất	Chung Hội đồng quản trị

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm:

	Giao dịch	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Mua hàng			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Sách giáo khoa	738.174.750	590.001.564
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung	Sách giáo khoa	658.291.208	510.772.104
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Sách giáo khoa	3.786.920	-
Bán hàng			
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Tiền công in	3.790.842.619	4.632.589.159
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Tiền công in	1.461.734.462	1.983.989.993
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Tiền công in	190.862.269	275.708.828
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung	Tiền công in	2.832.500	-
Cho vay, thu hồi nợ vay			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Lãi cho vay	-	354.625.671
Công ty CP Quan hệ quốc tế - Đầu tư Sản xuất	Lãi cho vay	186.666.667	-
	Cho vay	12.000.000.000	-

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	184.574.800	205.320.059
Thù lao của Hội đồng quản trị	-	18.000.000
Cộng	184.574.800	223.320.059

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Phó chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Phó phòng TC - KT

Lê Quang Dĩnh Thạnh

Người lập biểu

Lê Quang Dĩnh Thạnh